

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 11 năm 2025

“DỰ THẢO”

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bàn giao, tiếp nhận đối với hệ thống công trình Hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số/TTr-SXD ngày tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bàn giao, tiếp nhận đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.....tháng 11 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3 Các Quyết định sau đây hết hiệu lực toàn bộ từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định chuyển giao, tiếp nhận hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu dân cư, khu đô thị, điểm dân cư sau đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định về bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành

phố Hải Phòng; Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tư pháp, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế-Bộ Xây dựng;
- Thường trực Thành Ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình TP;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Phòng: XD&CT, TC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, CNN&XD, KT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về bàn giao và tiếp nhận hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm
2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về điều kiện, trình tự, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc bàn giao, tiếp nhận, quản lý tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Quy định này áp dụng đối với các hoạt động bàn giao, tiếp nhận, quản lý tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư bằng ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm:

a) Nhóm công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc các dự án đầu tư phát triển đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu tái định cư do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước làm chủ đầu tư;

b) Nhóm công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng độc lập được đầu tư, quản lý bởi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, gồm: công trình giao thông, chiếu sáng, cây xanh, thoát nước, cấp nước, xử lý chất thải, hào - tuynen kỹ thuật, viễn thông, hạ tầng dùng chung, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi đô thị, xã, phường, đặc khu của thành phố.

3. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm: Công trình giao thông; công trình thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải; công trình cấp điện; Công trình chiếu sáng công cộng; Công trình cấp nước sạch và cấp nước phòng cháy, chữa cháy; công trình viễn thông, hạ tầng dùng chung; công trình hào, tuynen kỹ thuật; công trình công viên, cây xanh, hồ cảnh quan, vườn hoa, sân thể thao công cộng; các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có chức năng phục vụ công cộng do Ủy ban nhân dân thành phố giao quản lý.

4. Các nội dung khác không nêu tại Quy định này thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

5. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến công tác bàn giao, tiếp nhận hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được điều chỉnh tại Quy định này bao gồm: công trình đường giao thông; công trình thoát nước mưa, nước thải; công trình cấp điện; công trình chiếu sáng; công trình cấp nước; công trình viễn thông; công trình hào và tuynen kỹ thuật; công trình công viên, cây xanh, hồ cảnh quan, vườn hoa, sân thể thao công cộng.

Cụ thể là:

a) Công trình đường giao thông: gồm lòng đường, vỉa hè, dải phân cách; nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ; đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường; rào chắn, đảo giao thông; tường, kè, và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

b) Công trình thoát nước mưa, thoát nước thải gồm: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Hồ điều hòa, trạm bơm nước mưa, công trình xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, công trình xử lý bùn, các loại bể chứa nước mưa, nước thải; tuyến cống thoát nước mưa, tuyến cống chung; tuyến cống thoát nước thải; cống ngăn, cửa phai, van phai.

c) Công trình cấp điện: bao gồm trạm điện, lưới truyền tải và phân phối điện.

d) Công trình chiếu sáng gồm: nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng, đường dây, cột điện, tủ điện (tủ điều khiển tự động), hệ thống điều khiển và các thiết bị điện phục vụ chiếu sáng khác.

Công trình chiếu sáng công cộng là công trình chiếu sáng để phục vụ chiếu sáng các công trình giao thông, chiếu sáng không gian công cộng (khu công viên - cây xanh, vườn hoa, hồ cảnh quan, nhà văn hóa, sân thể thao...).

e) Công trình cấp nước, cấp nước phòng cháy chữa cháy (PCCC):

- Công trình cấp nước: gồm công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan (hố van, hộp đồng hồ).

- Công trình cấp nước PCCC: bao gồm hệ thống cấp nước tập trung, họng, trụ nước chữa cháy lắp đặt trên tuyến ống cấp nước, bể dự trữ nước chữa cháy.

f) Công trình viễn thông: bao gồm bể cáp, hầm cáp, hố cáp; hệ thống ống luồn cáp viễn thông.

g) Công trình hào, tuynen kỹ thuật:

- Hào kỹ thuật: là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

- Tuynen kỹ thuật: là công trình ngầm theo tuyến có kích thước đủ lớn để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

2. Các công trình hạ tầng xã hội được điều chỉnh bởi Quy định này gồm:

- Công viên - cây xanh; vườn hoa; sân chơi; sân thể thao.
- Mặt nước - hồ cảnh quan; bể bơi; hồ điều hòa kết hợp cảnh quan (không bao gồm công trình hồ sự cố, hồ sinh học trong trạm xử lý nước thải và hồ sơ lắng trong trạm nước cấp).

3. Bên tiếp nhận là:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phân cấp

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, các Sở chuyên ngành hoặc các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao quản lý tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Bên bàn giao là:

a) Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, bao gồm cả chủ đầu tư các dự án khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu tái định cư.

b) Chủ sở hữu tài sản là:

Chủ sở hữu tài sản theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, có tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

c) Đại diện chủ sở hữu tài sản là:

Các Sở chuyên ngành, cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật.

5. Văn bản về chấp thuận chủ trương đầu tư được nêu tại Quy định này là văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định chủ trương đầu tư hoặc cho phép, chấp thuận đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở, đô thị, đấu thầu, doanh nghiệp có hiệu lực pháp lý.

6. Công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng độc lập là công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư bằng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác, không thuộc phạm vi các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu tái định cư, nhằm phục vụ lợi ích công cộng và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Chủ trương bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, điều chuyển tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật.

a) Đối với các dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, nếu trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đã xác định rõ các công trình, hạng mục thực hiện bàn giao, đối tượng bàn giao và đối tượng thụ hưởng tài sản sau tiếp nhận, thì việc bàn giao, tiếp nhận được thực hiện theo nội dung của văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đó.

Trường hợp Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có nội dung tương tự được ban hành trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, trong đó xác định Ủy ban nhân dân cấp huyện là bên tiếp nhận bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, thì nhiệm vụ này được chuyển về cho đơn vị quản lý theo quy định tại Điều 5 Quy định này, trừ trường hợp bên tiếp nhận bàn giao được xác định khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Đối với các dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, đã triển khai thực hiện nhưng trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư chưa quy định nội dung bàn giao, tiếp nhận (gồm công trình, hạng mục bàn giao; đối tượng bàn giao; đối tượng thụ hưởng tài sản sau tiếp nhận) thì thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận thực hiện theo quy định này.

c) Đối với các dự án đang trong giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư, cơ quan được giao lập đề xuất dự án có trách nhiệm nghiên cứu, tích hợp các nội dung quy định tại Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan để xây dựng sơ bộ phương án bàn giao trong hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư, làm cơ sở xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Điều 124 của Luật Xây dựng; khoản 46 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Điều 27 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; khoản 7 Điều 11 Nghị định 35/2023/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

3. Việc điều chuyển tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện theo các quy định về bàn giao tài sản quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; các quy định khác có liên quan.

4. Các công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ được phép bàn giao và đưa vào sử dụng sau khi Chủ đầu tư đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành đúng theo quy định; đối với các công trình thuộc khoản 1, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và khoản 4 Điều 11 Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ, phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định.

5. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật phải vận hành thử nghiệm như công trình xử lý nước thải, xử lý chất thải Chủ đầu tư cần hoàn thiện các thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước hoặc Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi) của dự án và các quy định có liên quan trước khi bàn giao.

6. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi bàn giao có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế thì Bên tiếp nhận có quyền từ chối tiếp nhận, yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và tổ chức khắc phục các tồn tại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho đến khi đạt yêu cầu (chi phí kiểm tra, kiểm định chất lượng và khắc phục các tồn tại do Chủ đầu tư chủ động chi trả).

7. Bên tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức khai thác, sử dụng theo đúng công năng thiết kế và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sơ bộ phương án và phương án bàn giao quản lý

1. Sơ bộ phương án bàn giao quản lý được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Nội dung thẩm định sơ bộ phương án bàn giao trong hồ sơ đề xuất đầu tư là một nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

2. Phương án bàn giao quản lý được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bàn giao, tiếp nhận, vận hành, quản lý và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sau đầu tư.

3. Đối với các dự án đã và đang triển khai thực hiện, trường hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng mà đã có nội dung về phương án bàn giao, tiếp nhận thì thực hiện theo các nội dung của phương án bàn giao trong Báo cáo nghiên cứu khả thi được thẩm định.

4. Trường hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án chưa có phương án bàn giao quản lý thì việc bàn giao tiếp nhận hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định này.

5. Trong quá trình lập sơ bộ phương án bàn giao quản lý và phương án bàn giao quản lý, đơn vị được giao lập hồ sơ đề xuất dự án, chủ đầu tư dự án cần nghiên cứu các quy định cụ thể về việc bàn giao tiếp nhận đối với từng loại công trình được quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên

quan để xây dựng phương án phù hợp, đảm bảo tính thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Sơ bộ phương án bàn giao và phương án bàn giao quản lý phải xác định rõ phạm vi, quy mô, loại hình công trình bàn giao (bao gồm: công trình giao thông, thoát nước mưa - nước thải - xử lý nước thải, cấp nước sạch, chiếu sáng công cộng, cấp điện hạ thế, cây xanh, công viên, hồ cảnh quan, vườn hoa, sân thể thao, thông tin liên lạc, hào - tuynen kỹ thuật và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội sử dụng mục đích công cộng khác).

Đồng thời phải nêu rõ đơn vị dự kiến tiếp nhận, quản lý, vận hành (Sở, ngành chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp công ích, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu) để đảm bảo rõ ràng, không chồng chéo trong phân cấp quản lý tài sản.

7. Trong quá trình lập, thẩm định sơ bộ phương án bàn giao và phương án bàn giao quản lý, Chủ đầu tư và cơ quan thẩm định cần có định hướng cụ thể đối với các đơn vị chuyên ngành về cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thoát nước, xử lý nước thải, cây xanh đô thị, công viên, viên thông là các đơn vị tiếp nhận hoặc được giao vận hành, quản lý, khai thác, đảm bảo các yêu cầu:

a) Đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn điện, an toàn môi trường, an toàn cấp nước sạch và thoát nước;

b) Giảm tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã đầu tư;

c) Không sử dụng ngân sách nhà nước để vận hành, quản lý các công trình phục vụ hoạt động kinh doanh, khai thác của các đơn vị chuyên ngành hoặc doanh nghiệp có chức năng khai thác dịch vụ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Bàn giao, tiếp nhận đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với hệ thống đường giao thông được thực hiện tương ứng với phân cấp quản lý quy định tại Điều 4 Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 187/2025/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng.

2. Việc phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với công trình thoát nước, xử lý nước thải được thực hiện tương ứng với phân cấp quản lý tại Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại ..thoát nước.

3. Việc phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với hệ thống điện chiếu sáng được thực hiện tương ứng với phân cấp quản lý tại Quy định quản lý chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Việc phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa được thực hiện tương ứng với phân cấp quản lý tại quy định quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, mảng xanh công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Việc bàn giao, tiếp nhận công trình cấp điện của dự án (bao gồm công trình đường dây trung thế, trạm biến áp, đường dây hạ thế, các thiết bị cung cấp đến các hộ dân...) được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Tiếp nhận bàn giao đối với công trình cấp nước sạch được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu Hạ tầng cấp nước sạch.

7. Việc phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với hệ thống cống, bể cáp, ống chờ để bố trí đường dây, đường cáp, thiết bị viễn thông; công trình hào, tuynel kỹ thuật được thực hiện tương tự như phân cấp, tiếp nhận đối với hệ thống đường giao thông.

Điều 6. Thời điểm thực hiện bàn giao

Các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của dự án được phép tổ chức bàn giao tài sản cho Bên tiếp nhận kể từ khi Chủ đầu tư hoàn thành thi công xây dựng công trình, hoàn thành các thủ tục nghiệm thu về quản lý chất lượng công trình, vận hành thử nghiệm theo quy định về bảo vệ môi trường (nếu có). Các công trình thuộc dự án chỉ được bàn giao khi đáp ứng các điều kiện để đưa công trình vào khai thác sử dụng quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Điều 7. Hồ sơ, tài liệu để bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Danh mục hồ sơ bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; theo Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Hồ sơ tài liệu bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật: Bên bàn giao tổ chức lập 01 bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định 06/2021/NĐ-CP; theo Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 8. Các bước thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở (các dự án phát triển nhà ở)

1. Đề nghị bàn giao: Sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng dự án hoặc hoàn thành đầu tư xây dựng từng công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Điều 5 của Quy định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ, tài liệu bàn giao theo quy định tại Điều 7, gửi văn bản đề nghị Sở Xây dựng xem xét, hướng dẫn tổ chức kiểm tra, bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Tổ chức kiểm tra:

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát hồ sơ bàn giao, thành lập Tổ công tác kiểm tra theo quy định tại Điều 9 của Quy định này; Xây dựng nội dung kiểm tra theo khoản 3 Điều 9 của Quy định này, thông báo kế hoạch kiểm tra đến các cơ quan, đơn vị liên quan và chủ đầu tư; Tổ chức kiểm tra các nội dung theo khoản 3 Điều 9 của Quy định này; lập Biên bản kiểm tra, làm căn cứ xem xét, quyết định tiếp nhận.

3. Quyết định tiếp nhận:

a) Đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra và hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND thành phố cho ý kiến trước khi ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức để quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định.

b) Đối với các công trình, dự án đã được phân cấp thẩm quyền tiếp nhận cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:

Sở Xây dựng chủ trì kiểm tra, xác nhận điều kiện bàn giao, tiếp nhận theo quy định tại Điều 9 của Quy định này;

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ kết quả kiểm tra, ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức và tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo thẩm quyền được phân cấp;

Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và cập nhật dữ liệu về các công trình đã tiếp nhận, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

c) Lưu trữ và tổng hợp:

Đối với các công trình, dự án do Sở Xây dựng tiếp nhận: Sở Xây dựng có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ bàn giao (gồm Hồ sơ theo Danh mục hồ sơ tại Phụ lục IX Nghị định 06/2021/NĐ-CP, biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, quyết định tiếp nhận của các cấp); cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật và tài sản công của thành phố; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình bàn giao, tiếp nhận và quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

Đối với các công trình, dự án phân cấp cho UBND các xã, phường, đặc khu tiếp nhận: UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ bàn giao (gồm Hồ sơ theo Danh mục hồ sơ tại Phụ lục IX Nghị định 06/2021/NĐ-CP, biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, quyết định tiếp nhận); cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật và tài sản công của xã, phường, đặc khu; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng về tình hình bàn giao, tiếp nhận và quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

Điều 9. Thành phần tổ công tác kiểm tra và nội dung kiểm tra

1. Tổ chức kiểm tra:

1.1. Đối với các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở:

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ bàn giao, đảm bảo đủ điều kiện tổ chức kiểm tra theo quy định, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì thành lập Tổ công tác kiểm tra để xem xét hồ sơ pháp lý, khảo sát hiện trạng công trình, hạng mục công trình đề nghị bàn giao, tiếp nhận.

Thành phần Tổ công tác kiểm tra gồm:

- a) Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra.
- b) Thành viên tham gia: đại diện các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, bao gồm:
 - Sở Tài chính;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Sở Công thương;
 - Đại diện UBND xã, phường, đặc khu nơi có công trình;
 - Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế (nếu công trình thuộc phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế).
- c) Chủ đầu tư (người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp) và các đơn vị tư vấn, nhà thầu, đơn vị quản lý vận hành (nếu có) tham dự, phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu.

1.2. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng độc lập:

Sở Xây dựng chủ trì kiểm tra, mời các cơ quan, đơn vị liên quan (Sở, ngành chuyên môn, UBND xã, phường, đặc khu nơi có công trình, chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành) cùng phối hợp kiểm tra, không thành lập Tổ công tác kiểm tra riêng.

3. Nội dung kiểm tra:

- a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định pháp lý của dự án tại các giai đoạn: chấp thuận chủ trương đầu tư, quy hoạch, cấp phép xây dựng, nghiệm thu, quản lý chất lượng và bảo trì công trình.
- b) Kiểm tra sự phù hợp giữa hiện trạng công trình, hạng mục hạ tầng kỹ thuật và hồ sơ hoàn công, bản vẽ hoàn thành theo quy định của Luật Xây dựng;

đối chiếu với danh mục, khối lượng và giá trị tài sản đề nghị bàn giao theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kiểm tra các nội dung cần thiết khác do Tổ công tác phát hiện trong quá trình kiểm tra hoặc theo đề nghị của cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Trách nhiệm phối hợp:

Bên bàn giao có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, phương tiện kỹ thuật cần thiết, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Tổ công tác trong suốt quá trình kiểm tra, xác nhận kết quả.

Điều 10. Báo cáo sau kiểm tra

1. Lập báo cáo kết quả sau khi hoàn thành kiểm tra:

Đối với dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, Sở Xây dựng tổng hợp kết quả của Tổ công tác kiểm tra; đối với công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng độc lập, Sở Xây dựng lập Biên bản kiểm tra và tổng hợp kết quả kiểm tra, lập Báo cáo kết quả kiểm tra.

Báo cáo thể hiện đầy đủ các nội dung chính sau:

a) Thông tin chung về dự án, công trình, chủ đầu tư, vị trí, quy mô, loại công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Tình hình thực hiện các quy định pháp lý của dự án và kết quả kiểm tra hiện trạng;

c) Danh mục, khối lượng, giá trị tài sản đề nghị bàn giao, phân loại theo lĩnh vực (giao thông, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, cấp nước, viễn thông...);

d) Kiến nghị phương án xử lý, đề xuất thẩm quyền tiếp nhận, đơn vị được giao quản lý, vận hành, bảo trì công trình sau bàn giao.

2. Trình báo cáo:

a) Đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố phân cấp cho Sở Xây dựng tiếp nhận:

Sở Xây dựng tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo UBND thành phố cho ý kiến trước khi ban hành quyết định tiếp nhận.

b) Đối với các công trình, dự án đã được phân cấp cho UBND xã, phường, đặc khu tiếp nhận:

Sở Xây dựng lập báo cáo kết quả kiểm tra, xác nhận điều kiện tiếp nhận, gửi UBND xã, phường, đặc khu nơi có công trình để làm căn cứ ban hành Quyết định tiếp nhận và tổ chức quản lý theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm theo dõi, lưu trữ và cập nhật dữ liệu:

a) Sở Xây dựng lưu trữ toàn bộ hồ sơ kiểm tra, gồm (Hồ sơ theo Danh mục hồ sơ tại Phụ lục IX Nghị định 06/2021/NĐ-CP, biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, quyết định tiếp nhận của các cấp); cập nhật thông tin vào cơ sở dữ

liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật và tài sản công của thành phố, phục vụ công tác quản lý, bảo trì, khai thác và báo cáo định kỳ.

b) UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm lưu trữ, cập nhật dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật được tiếp nhận, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

4. Thời hạn thực hiện:

Việc lập và gửi Báo cáo kết quả kiểm tra phải được thực hiện trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành kiểm tra thực tế công trình.

Trường hợp công trình có quy mô lớn, nhiều hạng mục hoặc hồ sơ phức tạp, thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, Sở Xây dựng phải có văn bản thông báo lý do và tiến độ cụ thể cho UBND thành phố.

Điều 11. Xác định giá trị tài sản của công trình hạ tầng kỹ thuật khi bàn giao

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao cho Bên tiếp nhận, đến khi thực hiện công tác bàn giao cho Bên tiếp nhận ngoài các yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật Bên bàn giao cần phải tính toán, xác định giá trị tài sản tại thời điểm bàn giao (sau khi giảm trừ giá trị hao mòn tài sản theo thời gian sử dụng) theo quy định.

Điều 12. Bàn giao, tiếp nhận tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật đầu tư bằng ngân sách nhà nước

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Điều 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 13. Bàn giao tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho thành phố

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật là tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho thành phố; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho thành phố; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho thành phố theo hợp đồng dự án, khi bàn giao Bên tiếp nhận phải thực hiện theo các quy định tại quy định này và phải thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của các bên đối với công trình hạ tầng kỹ thuật được bàn giao, tiếp nhận

1. Bên bàn giao

a) Hoàn thành việc bàn giao hồ sơ quy định tại Điều 7 Quy định này cho Bên tiếp nhận trước thời điểm Bên tiếp nhận ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình.

b) Tất cả các công trình hạ tầng kỹ thuật chưa được bàn giao cho Bên tiếp nhận thì Chủ đầu tư phải tổ chức đầu tư, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình.

c) Trong thời gian bảo hành công trình xây dựng, nếu phát hiện tình trạng hư hỏng phải kịp thời khắc phục và có văn bản báo cáo hoàn thành công tác bảo hành công trình.

d) Thực hiện theo các nội dung yêu cầu của tổ công tác kiểm tra trong quá trình kiểm tra.

e) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, hồ sơ bảo trì công trình; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, thực hiện bảo trì công trình xây dựng đảm bảo về trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng trong thời gian chưa bàn giao cho Bên tiếp nhận.

f) Có quyền đề xuất thời điểm bàn giao, kiến nghị phương án xử lý các nội dung phát sinh về khối lượng, chất lượng, phạm vi hoặc giá trị tài sản trước khi bàn giao chính thức.

g) Có quyền được nhận biên bản, kết quả kiểm tra, xác nhận của cơ quan tiếp nhận làm cơ sở quyết toán và kết thúc trách nhiệm đầu tư, bàn giao công trình.

2. Bên tiếp nhận

a) Có trách nhiệm tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật do Chủ đầu tư bàn giao. Sau khi nhận bàn giao, trực tiếp quản lý hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu để quản lý khai thác, vận hành và triển khai thực hiện bảo trì theo quy trình bảo trì công trình xây dựng.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí vốn (hoặc kiến nghị bố trí vốn) định kỳ, hàng năm nhằm đảm bảo triển khai tốt công tác quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được quyết định tiếp nhận.

c) Có quyền từ chối tiếp nhận trong trường hợp công trình không đáp ứng điều kiện bàn giao theo quy định hoặc có vi phạm về chất lượng, hồ sơ pháp lý; đồng thời báo cáo Sở Xây dựng để xem xét, hướng dẫn xử lý.

d) Có quyền đề xuất phương án khai thác, giao đơn vị vận hành phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm an toàn và phát huy hiệu quả công trình.

e) Có quyền yêu cầu Bên bàn giao phối hợp cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu hoặc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, khắc phục tồn tại trước khi đưa công trình vào quản lý, sử dụng chính thức.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổng hợp báo cáo UBND thành phố để bảo đảm thống nhất: Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật trên toàn địa bàn thành phố; hướng dẫn Bên tiếp nhận đối với các công trình chưa đảm bảo về hồ sơ pháp lý, quản lý chất lượng công trình.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì hướng dẫn các Sở, ban ngành đơn vị liên quan trong công tác bàn giao, tiếp nhận các nội dung tại Điều 11 và Điều 13 quy định này; hướng dẫn các Sở, ban ngành đơn vị liên quan hạch toán, theo dõi sổ sách, biến động về giá trị tài sản, sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả không để xảy ra thất thoát tài sản và thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

b) Bố trí kinh phí để Bên tiếp nhận có đủ điều kiện tổ chức quản lý khai thác, vận hành, bảo trì, bảo vệ theo quy định.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình bàn giao, tiếp nhận.

4. Bên tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm các công trình trong các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu tái định cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng khác theo phân cấp quản lý.

5. Chủ đầu tư: Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc cung cấp hồ sơ có liên quan đến dự án; phối hợp cùng Tổ công tác kiểm tra; thực hiện bảo hành, bảo trì và các nội dung theo yêu cầu của Quy định này.

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư đã được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành và đang trong giai đoạn thực

hiện dự án chưa bàn giao thì việc thực hiện các bước tiếp theo về công tác bàn giao của dự án phải tuân thủ Quy định này.

2. Đối với những dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật chưa xác định đơn vị tiếp nhận thì sau khi hoàn thành thực hiện bàn giao cho đối tượng theo quy định tại Điều 5 quy định này.

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện bàn giao, tiếp nhận sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải tuân thủ Quy định này.

4. Các dự án đang thực hiện với nhiều hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, thì ngoài các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đã bàn giao trước ngày Quy định này có hiệu lực, các hạng mục công trình còn lại chưa bàn giao thì phải thực hiện theo Quy định này.